



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 1 Năm 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Mã	Số cuối kỳ	Năm 2011
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1,113,830,622,677</b>	<b>1,213,451,052,214</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>494,592,629,500</b>	<b>725,753,901,755</b>
1	Tiền	111	88,177,098,185	94,780,404,999
2	Các khoản tương đương tiền	112	406,415,531,315	630,973,496,756
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>18,000,000,000</b>
1	Đầu tư ngắn hạn	121	-	18,000,000,000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>400,675,414,658</b>	<b>311,824,665,102</b>
1	Phải thu của khách hàng	131	387,456,968,330	331,343,323,995
2	Trả trước cho người bán	132	73,144,587,696	37,749,007,159
3	Phải thu nội bộ	133	-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	11,492,050,811	6,956,265,275
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(71,418,192,179)	(64,223,931,327)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>51,151,584,493</b>	<b>63,913,389,066</b>
1	Hàng tồn kho	141	51,151,584,493	63,913,389,066
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>167,410,994,026</b>	<b>93,959,096,291</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	35,096,872,868	33,830,266,743
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	34,066,181,887	28,112,600,511
3	Các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15,457,886,641	28,766,142,557
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	82,790,052,630	3,250,086,480
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1,303,127,456,403</b>	<b>1,205,146,040,302</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>1,134,954,653,935</b>	<b>1,024,231,504,457</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>935,327,641,733</b>	<b>846,963,617,017</b>
	Nguyên giá	222	1,920,631,832,131	1,838,903,829,181
	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(985,304,190,398)	(991,940,212,164)
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>165,150,709,376</b>	<b>164,535,985,485</b>
	Nguyên giá	228	222,007,479,085	220,402,085,511
	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(56,856,769,709)	(55,866,100,026)
<b>3</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>34,476,302,826</b>	<b>12,731,901,955</b>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Nguyên giá	241	-	-
2	Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>1,231,123,401</b>	<b>6,000,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251	(4,768,876,599)	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	6,000,000,000	6,000,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
<b>V</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>	<b>11,778,742,122</b>	<b>11,778,742,122</b>
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>	<b>155,162,936,945</b>	<b>163,135,793,723</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	116,857,447,220	117,095,215,742
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34,990,593,294	42,692,471,245
3	Tài sản dài hạn khác	268	3,314,896,431	3,348,106,736
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2,416,958,079,080</b>	<b>2,418,597,092,516</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Năm 2011
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1,036,829,540,830</b>	<b>1,235,282,703,365</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1,035,298,955,114</b>	<b>1,233,700,411,149</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2 Phải trả cho người bán	312	431,859,775,423	224,534,575,804
3 Người mua trả tiền trước	313	87,587,660,392	30,609,642,509
4 Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	44,722,568,276	76,727,168,251
5 Phải trả công nhân viên	315	(4,259,182,900)	39,928,682,559
6 Chi phí phải trả	316	187,695,065,566	164,132,627,071
7 Phải trả nội bộ	317	16,785,671,553	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	87,534,987,960	446,035,157,378
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		36,787,687,687	80,843,714,478
12 Doanh thu chưa thực hiện		146,584,721,157	170,888,843,099
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>1,530,585,716</b>	<b>1,582,292,216</b>
1 Phải trả dài hạn khác	333	105,000,000	100,000,000
2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1,425,585,716	1,482,292,216
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>1,265,245,905,821</b>	<b>1,088,561,436,316</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>1,265,245,905,821</b>	<b>1,088,561,436,316</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	997,015,350,000	997,015,350,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	7,383,565,272	7,383,565,272
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414	(1,636,790,000)	(1,482,080,000)
5 Lợi nhuận chưa phân phối	420	262,483,780,548	85,644,601,044
6 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1 Nguồn kinh phí	432	-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>114,882,632,429</b>	<b>94,752,952,835</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>600</b>	<b>2,416,958,079,080</b>	<b>2,418,597,092,516</b>

---

**Nguyễn Văn Khoa**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

---

**Đỗ Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,040,824,301,825	736,229,311,674	1,040,824,301,825	736,229,311,674
2	Các khoản giảm trừ	02	2,954,798,682	2,740,676,773	2,954,798,682	2,740,676,773
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,037,869,503,143	733,488,634,901	1,037,869,503,143	733,488,634,901
4	Giá vốn hàng bán	11	592,217,350,332	343,497,162,901	592,217,350,332	343,497,162,901
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	445,652,152,811	389,991,472,000	445,652,152,811	389,991,472,000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	16,022,705,023	11,755,939,335	16,022,705,023	11,755,939,335
7	Chi phí tài chính	22	997,245,526	18,681,790,684	997,245,526	18,681,790,684
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	-	2,440,971,538	-	2,440,971,538
8	Chi phí bán hàng	24	43,679,060,109	40,083,090,562	43,679,060,109	40,083,090,562
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	170,723,348,727	154,069,183,891	170,723,348,727	154,069,183,891
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	246,275,203,472	188,913,346,198	246,275,203,472	188,913,346,198
11	Thu nhập khác	31	6,144,622,489	5,420,127,078	6,144,622,489	5,420,127,078
12	Chi phí khác	32	6,195,373,123	6,299,729,897	6,195,373,123	6,299,729,897
13	Lợi nhuận khác	40	(50,750,634)	(879,602,819)	(50,750,634)	(879,602,819)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	246,224,452,838	188,033,743,379	246,224,452,838	188,033,743,379
15	<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	51	38,256,740,510	37,371,016,410	38,256,740,510	37,371,016,410
16	<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>	52	7,701,877,950	3,571,996,999	7,701,877,950	3,571,996,999
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	200,265,834,378	147,090,729,970	200,265,834,379	147,090,729,970
	<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		23,426,654,874	14,389,494,489	23,426,654,874	14,389,494,489
	<i>- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>		176,839,179,503	132,701,235,481	176,839,179,504	132,701,235,481

**Nguyễn Văn Khoa**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**Đỗ Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2012	Năm 2011
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	246,224,452,838	188,033,743,379
2	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		67,832,226,226	68,527,424,448
-	Khấu hao tài sản cố định	02	74,969,780,578	70,491,797,795
-	Các khoản dự phòng	03	(7,137,554,352)	(3,525,744,416)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(879,600,469)
-	Chi phí lãi vay	06	-	2,440,971,538
3	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	314,056,679,064	256,561,167,827
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(68,230,302,018)	(34,293,885,256)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12,761,804,573	23,530,784,043
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (ko kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(39,989,284,188)	(230,787,819,380)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(1,028,837,603)	8,367,924,678
-	Tiền lãi vay đã trả	13	-	(2,440,971,538)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(62,732,623,991)	23,109,901,072
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	154,837,435,837	44,047,101,446
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27,833,324,187)	(36,351,948,437)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	6,140,394,131	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	38,868,013,855
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18,000,000,000	-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16,062,239,964	-
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	30	12,369,309,908	2,516,065,418
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(154,710,000)	(131,650,000)
2	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(398,213,308,000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(398,368,018,000)	(131,650,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</b>	50	(231,161,272,255)	46,431,516,864
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	725,753,901,755	152,598,123,255
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ</b>	70	494,592,629,500	199,029,640,119

Nguyễn Văn Khoa  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Hương  
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 23 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần 14 của Giấy đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/03/2012 là 3.668 người.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 25.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2012</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Thiết bị quản lý	3 – 6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 – 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

Năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	(Số năm)
Phần mềm máy vi tính	3 - 5
Giấy phép	3
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”)	15

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu dịch vụ viễn thông*

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

*Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

**Thuê hoạt động**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31.03.2012</b>	<b>01.01.2012</b>
Tiền mặt	5,795,149,318	3,801,362,950
Tiền gửi ngân hàng	461,297,130,116	90,979,042,049
Các khoản tương đương tiền	27,500,350,066	630,973,496,756
<b>Tổng tiền</b>	<b>494,592,629,500</b>	<b>725,753,901,755</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Quý 1-2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>31.03.2012</b>	<b>01.01.2012</b>
Hàng hóa, công cụ, NVL	51,151,584,493	63,913,389,066
<b>Tổng cộng</b>	<b>51,151,584,493</b>	<b>63,913,389,066</b>

**7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/03/2012 như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Vốn	Tại ngày 31.03.2012	
			Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FSS)	Sản xuất phần mềm	10,000,000,000	100%	100%
Công ty TNHH ITV Viễn thông Quốc tế-FTI	Cung cấp các dịch vụ viễn thông..	15,000,000,000	100%	100%
Công ty TNHH ITV Viễn thông FPT Tân Thuận	Cung cấp các dịch vụ viễn thông..	70,000,000,000	100%	100%
Công ty CP dịch vụ trực tuyến FPT-FOC	Cung cấp các dịch vụ viễn thông..	103,899,850,000	57.00%	57.00%

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<b>31.03.2012</b>	<b>01.01.2012</b>
Thuế giá trị gia tăng	11,770,397,830	9,414,248,988
Thuế xuất, nhập khẩu	0	9,272,963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25,255,966,518	62,633,758,653
Thuế thu nhập cá nhân	6,883,424,428	
Các loại thuế khác	812,779,500	4,669,887,647
<b>Tổng cộng</b>	<b>44,722,568,276</b>	<b>76,727,168,251</b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. VỐN CỔ ĐÔNG**

**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>831,067,620,000</b>	<b>7,570,250,399</b>	<b>(919,000,000)</b>	<b>357,710,336,521</b>	<b>1,195,429,206,920</b>
Phát hành cổ phiếu	6,416,330,000	-	-	-	<b>6,416,330,000</b>
Lợi nhuận thuần trong năm				582,050,997,486	<b>582,050,997,486</b>
Mua cổ phiếu quỹ		-	(563,080,000)		<b>(563,080,000)</b>
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận				(65,599,359,376)	<b>(65,599,359,376)</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	159,531,400,000			(159,531,400,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền				(628,644,258,395)	<b>(628,644,258,395)</b>
Ảnh hưởng do thay đổi vốn chủ sở hữu		(186,685,127)		(443,044,160)	<b>(629,729,287)</b>
Biến động khác				101,328,968	<b>101,328,968</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>997,015,350,000</b>	<b>7,383,565,272</b>	<b>(1,482,080,000)</b>	<b>85,644,601,044</b>	<b>1,088,561,436,316</b>
Phát hành cổ phiếu				-	-
Lợi nhuận thuần trong năm				176,839,179,504	<b>176,839,179,504</b>
Mua cổ phiếu quỹ			(154,710,000)		<b>(154,710,000)</b>
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận				-	-
Sử dụng các quỹ				-	-
Chia cổ tức bằng tiền				-	-
Ảnh hưởng do thay đổi vốn chủ sở hữu				-	-
Biến động khác				-	-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2012</b>	<b>997,015,350,000</b>	<b>7,383,565,272</b>	<b>(1,636,790,000)</b>	<b>262,483,780,548</b>	<b>1,265,245,905,820</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1-2012

**MÃ SỐ B 09-DN/HN****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 997.015.350.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ	31.03.2012		01.01.2012	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	99,701,535	997,015,350,000	99,701,535	997,015,350,000
Cổ phiếu phổ thông	99,109,378	991,093,780,000	99,109,378	991,093,780,000
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	592,157	5,921,570,000	592,157	5,921,570,000
	<b>99,701,535</b>	<b>997,015,350,000</b>	<b>99,701,535</b>	<b>997,015,350,000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	163,679	1,636,790,000	148,208	1,482,080,000
	<b>163,679</b>	<b>1,636,790,000</b>	<b>148,208</b>	<b>1,482,080,000</b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	99,109,378	991,093,780,000	99,109,378	991,093,780,000
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	428,478	4,284,780,000	443,949	4,439,490,000
	<b>99,537,856</b>	<b>995,378,560,000</b>	<b>99,553,327</b>	<b>995,533,270,000</b>

**10. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Tổng doanh thu	31.03.2012	31.03.2011
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,040,824,301,825	736,229,311,674
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,954,798,682	2,740,676,773
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1,037,869,503,143</b>	<b>733,488,634,901</b>

**11. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu  
 Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1-2012

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

	<b>31.03.2012</b>	<b>31.03.2011</b>
<b>Giá vốn</b>		
Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ	592,217,350,332	343,497,162,901
<b>Tổng cộng</b>	<b>592,217,350,332</b>	<b>343,497,162,901</b>
<b>12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	<b>31.03.2012</b>	<b>31.03.2011</b>
Doanh thu lãi tiền gửi	16,022,705,023	11,755,939,335
Khác		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16,022,705,023</b>	<b>11,755,939,335</b>
<b>13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	<b>31.03.2012</b>	<b>31.03.2011</b>
Chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2,440,971,538
Khác	997,245,526	16,240,819,146
<b>Tổng cộng</b>	<b>997,245,526</b>	<b>18,681,790,684</b>

**Nguyễn Văn Khoa**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

**Đỗ Thị Hương**  
**Kế toán trưởng**